| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HUỆ**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2022/HS-ST
Ngày: 16 - 7 - 2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Triển.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Văn Châu.

Bà Tô Ngọc Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 06 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn N, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1996, tại: Long An; Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; cha: Không rõ họ tên; mẹ: Phạm Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 18/6/2021, bị Công an thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi "sử dụng trái phép chất ma túy", chưa nộp phạt. Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2015/HSST ngày 08/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt Phạm Văn N 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 năm, về tội "Cướp tài sản", đến nay đã chấp hành xong đương nhiên được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2022 đến nay. (Có mặt)

- *Bị hại:* Ông Bùi Long S - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh L. (Vắng mặt)

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Hữu V - Sinh năm: 1995 - Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị T - Sinh năm: 1966 - Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt)

3. Bà Võ Kim N1 - Sinh năm: 1990 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ, ngày 14/02/2022, Phạm Văn N đi bộ từ nhà Đặng Huyền T1 thuộc khu phố 3, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An về nhà thì gặp Nguyễn Văn Đ chạy xe mô tô trên đường đi làm về, N xin Đ quá giang thì Đ đồng ý. Khi Đ chở N đi ngang nhà ông Nguyễn Hữu V thuộc khu phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L thì N phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria biển số 62G1-427.92, để ở hành lang nhà không có người trông coi và có chìa khóa trên xe nên N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nêu trên. Đạt chở N đi qua nhà Nguyễn Hữu V khoảng 100m, N nói Đạt dừng xe lại N tự đi bộ về. Lúc này, N quay trở lại vào nhà V lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Suzuki, loại Satria biển số 62G1-427.92. Lấy được xe, N điều khiển chạy về bãi đất trống thuộc xã M, huyện Đ, tỉnh L để cất giấu và gọi điện cho Phạm Văn T2 là người chạy xe ôm đến rước về lại nhà T1 rồi N trả cho Tài 200.000 đồng tiền xe ôm. Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày, khi phát hiện xe bị mất thì Nguyễn Hữu V trích xuất Camera tại nhà và thấy N là người đã lấy xe nên V gọi điện cho N xin chuộc lại, N không thừa nhận mình lấy trộm xe nhưng nói với V là mình biết người đang cất giấu và thỏa thuận số tiền chuộc xe là 10.000.000 đồng thì được V đồng ý. Sau đó N chở V đi lấy xe và V đưa cho N số tiền 10.000.000 đồng như thỏa thuận, số tiền nêu trên N sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Sau khi lấy được xe V trình báo vụ việc đến Cơ quan Công an xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria biển số 62G1-427.92.

- Số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06 ngày 18/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đức Huệ kết luận: Trị giá chiếc xe Suzuki, loại Satria biển số 62G1-427.92 là 46.800.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria biển số 62G1-427.92 là của ông Bùi Long S, khoảng tháng 8/2021, S cho Võ Kim N1 mượn để làm phương tiện đi lại, sau đó N1 cho Nguyễn Hữu V mượn sử dụng thì bị mất. Ngày 21/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Huệ đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Long S, theo quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ-CQĐT nên không đề cập xem xét.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Hữu V số tiền 10.000.000 đồng theo quyết định xử lý vật chứng số 10 ngày 28/4/2022.

Cáo trạng số: 21/CT-VKS-ĐH ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, sau khi phân tích tính chất của hành vi và hậu quả xảy ra, đề nghị Hội đồng xét xử

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội " Trộm cắp tài sản"

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 32; 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý xong không có yêu cầu xem xét lại nên không xem xét.

Đối với Nguyễn Văn Đ cho N quá giang, Phạm Văn T2 là người chạy xe ôm chở N từ xã M về thị trấn Đ nhưng không biết việc N trộm cắp nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm có liên quan.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Long S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu V, Võ Kim N1 không có yêu cầu bị cáo Phạm Văn N bồi thường tiếp theo nên không đề cập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T yêu cầu bị cáo N trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng mà bà đã trả cho ông Nguyễn Hữu V. Bị cáo N đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Bị cáo biết việc làm sai trái, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của cơ quan cảnh sát điều tra, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên đều thực hiện đúng và hợp pháp. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát thu thập là hợp pháp.

[2] Vào ngày 14/02/2022, (khoảng 04 giờ), Phạm Văn N khi đi ngang qua nhà ông Nguyễn Hữu V (khu phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ) phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria biển số 62G1-427.92, để ở hành lang nhà không có người trông coi và có chìa khóa trên xe nên N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nêu trên. Bị cáo N đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô nói trên mang đến bãi đất trống tại xã M cất giấu. Sau khi xem lại Camera V biết N lấy xe của mình và thỏa thuận đưa cho N thêm 10.000.000 đồng để N chở đi lấy lại xe. Sau khi lấy được tiền N tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 15/02/2022, V trình báo vụ việc đến Cơ quan Công an xử lý. Giá trị xe mô tô qua định giá là 46.800.000 đồng.

[3] Tại phiên toà, bị cáo Phạm Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm lúc 18 giờ 00 phút, ngày 15/02/2022 của Công an thị trấn ĐôngThành, biên bản tạm giữ tài liệu đồ vật (lúc 18 giờ 00 phút, ngày 15/02/2022), biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 08 giờ 00 phút, ngày 15/02/2022, sơ đồ hiện trường bản ảnh hiện trường, bản ánh hiện trường (08 ảnh) do Công an huyện Đức Huệ lập, Kết luận định giá tài sản số 06/KL-TCKH ngày 18/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Huệ, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó, đã có đủ bằng chứng để kết luận rằng bị cáo Phạm Văn N phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng 21/CT-VKS-ĐH ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố bị cáo Phạm Văn N với tội danh và điều luật nêu trên là có cơ sở đúng theo quy định của pháp luật. Đối với việc ông Nguyễn Hữu V giao cho bị cáo Phạm Văn N 10.000.000 đồng là tự nguyện nên không cấu thành tội phạm liên quan.

[4] Hành vi của bị cáo Phạm Văn N là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là một công dân có đầy đủ lý trí để nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của mọi tổ chức và cá nhân được pháp luật bảo vệ, nếu người nào cố tình chiếm đoạt sẽ bị pháp luật xử lý nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Mục đích của bị cáo là chiếm đoạt tài sản của bị hại để bán lấy tiền tiêu xài cho cá nhân. Hành vi này của bị cáo phải được xử lý nghiêm. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu đã 01 lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản đã được đương nhiên xóa án tích, có 01 tiền sự đang trong thời

gian phải chấp hành. Xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[5] Xét thấy, bị cáo Phạm Văn N khi xét xử thật thà khai báo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã tác động tích cực để gia đình bồi thường cho bị hại, bản thân bị cáo không có việc làm ổn định, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn N là có cơ sở theo quy định pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ông Bùi Long S, ông Nguyễn Hữu V, bà Võ Kim N1 không có yêu cầu bị cáo Phạm Văn N bồi thường tiếp theo. Do không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ tách ra giải quyết bằng một vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T tại phiên tòa: Bà yêu cầu bị cáo N trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng mà bà đã trả cho ông Nguyễn Hữu V. Bị cáo N đồng ý theo yêu cầu của bà T. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bà T, phù hợp pháp luật nên ghi nhận để buộc bị cáo bồi thường cho bà T.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Phần Cơ quan điều tra đã xử lý xong không có yêu cầu xem xét lại nên đề cập xem xét.

[9] bị cáo Phạm Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 32; Điều 38 Bộ luật hình sự; Các Điều 299, 326, 327 và 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày16/02/2022). Tiếp tục quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải bồi thường cho bà Phạm Thị T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành xong số tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo N còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thi hành theo Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2022). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Công an huyện Đức Huệ;
- CC.THADS huyện Đức Huệ;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Triến**